

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN
CỬU LONG AN GIANG

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán	5
4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2013	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	13 - 41
8. Phụ lục	42

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Cửu Long An Giang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5203000065, đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 4 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi kinh doanh sau:

- Đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 13 tháng 11 năm 2007 về việc thay đổi ngành nghề kinh doanh.
- Đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 24 tháng 06 năm 2010 và được cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới số 1600680398 ngày 24 tháng 06 năm 2010 về việc tăng vốn điều lệ.
- Đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 16 tháng 11 năm 2011 về việc tăng vốn điều lệ.
- Đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 30 tháng 3 năm 2012 về việc sáp nhập Công ty cổ phần chế biến thức ăn thủy sản Cửu Long An Giang vào Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Cửu Long An Giang và tăng vốn điều lệ.
- Đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 21 tháng 4 năm 2012 về việc điều chỉnh vốn điều lệ.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh : 183.996.750.000 VND
Tổng số cổ phần : 18.399.675 cổ phần
Mệnh giá cổ phần : 10.000 VND/cổ phần

Cổ đông	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VND)	Tỷ lệ (%)
1. Ông Trần Văn Nhân	1.052.437	10.524.370.000	5,72
2. Bà Trần Thị Vân Loan	3.007.009	30.070.090.000	16,34
3. Ông Trần Tuấn Khanh	1.079.436	10.794.360.000	5,87
4. Các cổ đông khác	13.260.793	132.607.930.000	72,07
Cộng	18.399.675	183.996.750.000	100,00

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang
Điện thoại : (076) 3.931.000 – 3.932.821
Fax : (076) 3.932.446
E-mail : clfish@vnn.vn
Website : www.clfish.com
Mã số thuế : 1600680398

Hoạt động chính của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: Chế biến, bảo quản thủy sản và sản phẩm từ thủy sản; Mua bán cá và thủy sản; Mua bán thực phẩm (đậu nành, đậu bắp, rau quả,... đông lạnh); Mua bán nông sản (nếp, gạo, hạt điều,...); Mua bán hóa chất, dụng cụ dùng trong sản xuất và chế biến thủy sản; Mua bán các loại nguyên liệu, vật tư trong ngành bao bì; Mua bán nguyên liệu, vật tư phục vụ chăn nuôi thủy sản (cám bã đậu nành, bột cá, bột xương thịt, vitamin); Nuôi trồng thủy sản; Chế biến thức ăn thủy sản; Chế biến thức ăn gia súc; Sản xuất bao bì; Cho thuê kho lạnh; Đầu tư cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu du lịch, khách sạn, cao ốc văn phòng; Hoạt động đầu tư trực tiếp, đầu tư gián tiếp (tuân thủ pháp luật có liên quan trong quá trình hoạt động); Đầu tư thực hiện việc sáp nhập và mua lại doanh nghiệp (tuân thủ pháp luật có liên quan trong quá trình hoạt động).

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty

Kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2013 của Công ty bị lỗ là do chi phí bao bì thành phẩm các năm trước Công ty ghi nhận vào giá thành của thành phẩm, riêng bắt đầu từ năm 2013 Công ty ghi nhận khoản chi phí bao bì này trực tiếp vào chi phí bán hàng nên ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 42).

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013, ngày 16 tháng 4 năm 2013, lợi nhuận sau thuế năm 2012 được phân phối như sau:

- Trích lập các quỹ (Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ dự phòng tài chính, Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi)	12%
- Thù lao Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	2%
- Thù lao Ban kiểm soát và nhân viên chủ chốt	1%
- Chia cổ tức (tính trên vốn điều lệ)	4,5%

Trong 6 tháng đầu năm 2013, Công ty đã chi cổ tức năm 2012 cho các cổ đông như sau:

	Số tiền (VND)
Chi cổ tức năm trước (4,5% vốn điều lệ)	8.279.853.750
Cộng	8.279.853.750

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 30 tháng 6 năm 2013 cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành, quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1. Bà Trần Thị Vân Loan	Chủ tịch	07 tháng 6 năm 2010	-
2. Ông Trần Văn Nhân	Thành viên	07 tháng 6 năm 2010	-
3. Ông Trần Tuấn Khanh	Thành viên	09 tháng 4 năm 2007	-
4. Ông Trần Minh Nhựt	Thành viên	31 tháng 3 năm 2008	16 tháng 4 năm 2013
5. Ông Trần Tuấn Nam	Thành viên	31 tháng 3 năm 2008	16 tháng 4 năm 2013
6. Bà Nguyễn Thị Hoàng Yến	Thành viên	16 tháng 4 năm 2013	-
7. Ông Nguyễn Ngọc Trang	Thành viên	16 tháng 4 năm 2013	-

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1. Bà Nguyễn Thị Lệ Quyên	Trưởng ban	17 tháng 4 năm 2012	-
2. Ông Nguyễn Văn Tới	Thành viên	09 tháng 4 năm 2007	-
3. Bà Phạm Thị Hồng Ngọc	Thành viên	31 tháng 3 năm 2008	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1. Bà Trần Thị Vân Loan	Tổng Giám đốc	13 tháng 11 năm 2007	-
2. Ông Trần Tuấn Khanh	Phó Tổng Giám đốc	18 tháng 10 năm 2007	-
3. Bà Nguyễn Thị Hoàng Yên	Phó Tổng Giám đốc	27 tháng 3 năm 2013	-
4. Bà Nguyễn Thị Bích Vân	Kế toán trưởng	24 tháng 6 năm 2010	-

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính giữa niên độ; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Cửu Long An Giang tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Trần Thị Vân Loan
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 8 năm 2013



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 1-3 Song Day St., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 0685/2013/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ 6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Cửu Long An Giang gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, được lập ngày 20 tháng 7 năm 2013, từ trang 06 đến trang 42 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính giữa niên độ; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính giữa niên độ. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính giữa niên độ đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Cửu Long An Giang tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



[Signature]

Phùng Thị Quang Thái - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0094-2013-008-1

[Signature]

Nguyễn Hoàng Yến - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0088-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN		100		554.785.236.502	600.572.377.073
I. Tiền và các khoản tương đương tiền		110	V.1	4.990.976.060	9.990.690.435
1. Tiền		111		4.990.976.060	9.990.690.435
2. Các khoản tương đương tiền		112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn		121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn		130		225.257.937.805	227.745.210.601
1. Phải thu khách hàng		131	V.2	202.192.775.970	211.115.399.597
2. Trả trước cho người bán		132	V.3	30.277.554.196	23.473.030.496
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		134		-	-
5. Các khoản phải thu khác		135	V.4	766.101.334	1.135.274.203
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		139	V.5	(7.978.493.695)	(7.978.493.695)
IV. Hàng tồn kho		140		298.064.090.881	345.651.813.445
1. Hàng tồn kho		141	V.6	298.064.090.881	345.651.813.445
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác		150		26.472.231.756	17.184.662.592
1. Chi phí trả trước ngắn hạn		151	V.7	1.605.102.252	1.056.607.540
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		152		24.039.381.531	15.864.768.822
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác		158	V.8	827.747.973	263.286.230

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN		200		249.302.062.121	231.180.434.244
I. Các khoản phải thu dài hạn		210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng		211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc		212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ		213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác		218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		219		-	-
II. Tài sản cố định		220		239.759.654.642	223.147.759.144
1. Tài sản cố định hữu hình		221	V.9	171.696.185.746	120.312.318.149
Nguyên giá		222		239.178.732.434	178.864.765.925
Giá trị hao mòn lũy kế		223		(67.482.546.688)	(58.552.447.776)
2. Tài sản cố định thuê tài chính		224		-	-
Nguyên giá		225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế		226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình		227	V.10	52.659.686.727	53.439.970.934
Nguyên giá		228		58.670.210.862	58.461.610.862
Giá trị hao mòn lũy kế		229		(6.010.524.135)	(5.021.639.928)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		230	V.11	15.403.782.169	49.395.470.061
III. Bất động sản đầu tư		240		-	-
Nguyên giá		241		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế		242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		250		3.600.000.000	3.600.000.000
1. Đầu tư vào công ty con		251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác		258	V.12	3.600.000.000	3.600.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác		260		5.942.407.479	4.432.675.100
1. Chi phí trả trước dài hạn		261	V.13	733.667.797	1.225.800.480
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		262	V.14	2.863.864.682	896.520.620
3. Tài sản dài hạn khác		268	V.15	2.344.875.000	2.310.354.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270		804.087.298.623	831.752.811.317

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ		300		542.511.397.779	556.528.395.262
I. Nợ ngắn hạn		310		510.686.041.922	539.710.390.397
1. Vay và nợ ngắn hạn		311	V.16	443.563.958.824	422.811.403.832
2. Phải trả người bán		312	V.17	39.499.644.434	85.462.951.188
3. Người mua trả tiền trước		313	V.18	1.458.659.088	1.684.026.120
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		314	V.19	1.540.425.171	1.642.559.590
5. Phải trả người lao động		315	V.20	4.315.470.483	3.758.591.372
6. Chi phí phải trả		316	V.21	9.008.284.112	8.833.380.804
7. Phải trả nội bộ		317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		319	V.22	1.466.525.175	1.922.127.192
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		323	V.23	9.833.074.635	13.595.350.299
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		327		-	-
II. Nợ dài hạn		330		31.825.355.857	16.818.004.865
1. Phải trả dài hạn người bán		331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ		332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác		333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn		334	V.24	31.139.674.368	16.756.061.845
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		335	V.25	685.681.489	61.943.020
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn		337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện		338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		400		261.575.900.844	275.224.416.055
I. Vốn chủ sở hữu		410		261.575.900.844	275.224.416.055
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		411	V.26	183.996.750.000	183.996.750.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		412	V.26	19.920.224.200	19.920.224.200
3. Vốn khác của chủ sở hữu		413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ		414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển		417	V.26	2.571.767.056	2.571.767.056
8. Quỹ dự phòng tài chính		418	V.26	17.437.617.397	17.437.617.397
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		420	V.26	37.649.542.191	51.298.057.402
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		430		-	-
1. Nguồn kinh phí		432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định		433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440		804.087.298.623	831.752.811.317

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý			-	-
5. Ngoại tệ các loại:				
Dollar Mỹ (USD)			95.186,69	345.433,17
Euro (EUR)			15.326,01	322,58
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			-	-

An Giang, ngày 20 tháng 7 năm 2013



Nguyễn Thị Bích Vân
Kế toán trưởng



Trần Thị Vân Loan
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

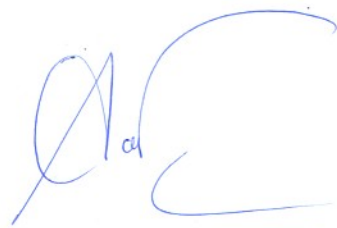
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	493.830.852.454	535.801.261.743
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	1.749.762.571	910.048.096
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	492.081.089.883	534.891.213.647
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	418.830.691.447	464.463.156.613
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		73.250.398.436	70.428.057.034
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	564.211.142	5.850.486.921
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	15.120.448.093	16.905.124.254
Trong đó: chi phí lãi vay	23		14.541.946.142	16.869.728.280
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	52.551.203.179	29.431.473.436
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	12.732.437.660	12.322.013.197
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(6.589.479.354)	17.619.933.068
11. Thu nhập khác	31	VI.7	158.849	3.707.262
12. Chi phí khác	32	VI.8	122.946.549	396.147.823
13. Lợi nhuận khác	40		(122.787.700)	(392.440.561)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(6.712.267.054)	17.227.492.507
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.21	-	2.105.004.462
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.9	(1.343.605.593)	(465.232.161)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(5.368.661.461)	15.587.720.206
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	(292)	847



Nguyễn Thị Bích Vân
Kế toán trưởng



An Giang, ngày 20 tháng 7 năm 2013

Trần Thị Vân Loan
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**(Dạng đầy đủ)****(Theo phương pháp gián tiếp)****6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(6.712.267.054)	17.227.492.507
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.9, V.10	9.918.983.119	8.108.086.586
- Các khoản dự phòng	03		-	(768.535.950)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.3	(50.355.952)	(291.458.040)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(82.626.071)	(1.478.635.114)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	14.541.946.142	16.869.728.280
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		17.615.680.184	39.666.678.269
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(3.556.100.843)	54.137.792.548
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		47.587.722.564	(13.705.254.955)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(45.921.104.617)	7.683.111.670
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(56.362.029)	1.375.301.781
- Tiền lãi vay đã trả	13		(14.641.146.665)	(16.371.974.187)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	(75.208.629)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(3.762.275.664)	(909.845.537)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(2.733.587.070)	71.800.600.960
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V,9,10,11	(26.530.878.617)	(3.875.551.688)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	32.868.623
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		82.626.071	1.493.412.892
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(26.448.252.546)	(2.349.270.173)

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

12

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, thương mại
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Chế biến, bảo quản thủy sản và sản phẩm từ thủy sản. Mua bán cá và thủy sản.
4. **Nhân viên**
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 Công ty có 1.414 nhân viên đang làm việc (cuối năm trước là 2.211 nhân viên).
5. **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**
Kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2013 của Công ty bị lỗ là do chi phí bao bì thành phẩm các năm trước Công ty ghi nhận vào giá thành của thành phẩm, riêng bắt đầu từ năm 2013 Công ty ghi nhận khoản chi phí bao bì này trực tiếp vào chi phí bán hàng nên ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức Nhật ký chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 20
Máy móc và thiết bị	5 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 – 10

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất có thời hạn được trích khấu hao theo thời hạn sử dụng. Đối với quyền sử dụng đất không xác định thời hạn sẽ không tính khấu hao.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao trong 05 năm.

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và kho bãi chưa hoàn thành. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và không được tính khấu hao.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong năm. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

10. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định ghi nhận theo thực tế phát sinh, được ghi nhận tăng tài sản hoặc phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh nhưng không quá 02 năm.

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong năm.

12. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương bình quân làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Công ty phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Công ty không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

13. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

14. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

15. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên như sau:

	Mục đích	Tỷ lệ trích lập từ lợi nhuận sau thuế
• Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty	2%
• Quỹ dự phòng tài chính	Bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,....	5%
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động	5%
• Quỹ thưởng Ban điều hành	Khen thưởng các thành viên quản lý chủ chốt trong Công ty	3%

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

17. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2012 : 20.814 VND/USD
: 27.399 VND/EUR
30/6/2013 : 21.125 VND/USD
27.669 VND/EUR

18. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Tỷ giá sử dụng để ghi nhận các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ liên quan đến doanh thu xuất khẩu là tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng nhà nước công bố.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

19. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá mua/chỉ phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

20. Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

21. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VII.2.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	344.873.126	839.188.358
Tiền gửi ngân hàng	4.646.102.934	9.151.502.077
Cộng	4.990.976.060	9.990.690.435

2. Phải thu khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Quwat Albahr For Trading	53.302.304.250	82.790.557.332
Saudi Pan Gulf Trading Co., LTD	1.774.500.000	10.370.575.500
Mohammed S.H. Shama Comercial EST	11.634.593.750	14.585.410.500
Meridian Products	3.917.155.938	3.709.054.800
Censea INC	3.878.676.750	3.898.878.480
Seaquest Seafood Corporation	21.674.376.750	9.177.974.928
Grupo Almos S.A.DEC.V	4.225.000.000	6.488.764.500
Montkaura, S.L	4.482.746.125	4.416.751.614
Pasapesca S.A	2.047.022.006	1.481.133.606
Alliance Seafood Group	4.153.712.420	4.092.561.908
Maria Fish Market Company	-	1.384.131.000
Marine Harvest USA	-	7.367.531.580
Maria Group Co (Off Shore)	1.550.575.000	1.527.747.600
Tampa Bay Fisheries, INC	31.923.698.625	-
M.AL Nuaimi Foodstuff Trading L.L.C	5.736.345.875	4.413.463.002
Piau Kee Live & Frozen Seafood SDN	2.342.340.000	3.478.265.005
Maria Foods Co S.A.R.L	674.098.750	1.865.350.680
Frigorifico Jahu LTDA	-	6.556.410.000
Kanpa International Sales	3.645.646.875	7.910.881.050
Natural Beef & Fish	-	2.639.215.200
Promark General Trading	4.320.062.500	2.768.262.000
Piazza's seafood World L.L.C	2.750.475.000	2.622.564.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Shawaya House Co.	8.703.500.000	8.991.648.000
Universal Cold Store Trading Co.LTD	-	2.903.553.000
Ông Võ Văn Hải	4.094.367.250	-
Bà Mai Thị Bảo Châu	-	2.228.299.520
Bà Huỳnh Thị Hoàng Em	5.871.909.932	4.434.921.040
Các khách hàng khác	19.489.668.174	9.011.493.752
Cộng	202.192.775.970	211.115.399.597

Toàn bộ công nợ phải thu đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng (xem thuyết minh số V.16).

3. Trả trước cho người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH cơ khí xây dựng thương mại Tân Hoàng Tuấn	7.342.500.000	5.852.000.000
Công ty TNHH thiết bị lạnh & cách nhiệt TST	2.068.528.516	5.726.784.048
Công ty TNHH kỹ thuật cơ nhiệt Vinh Quang	9.752.424.000	4.876.212.000
Công ty TNHH tư vấn dịch vụ chế biến xuất khẩu Thủy Sản	886.944.904	649.794.904
Bà Trịnh Thị Hương	931.350.700	931.350.700
Công ty TNHH Bách Khoa Quốc Gia	3.187.785.600	1.593.892.800
Các nhà cung cấp khác	6.108.020.476	3.842.996.044
Cộng	30.277.554.196	23.473.030.496

4. Các khoản phải thu khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Lãi ứng trước tiền cá nguyên liệu	619.430.200	619.430.200
Phải thu khác	146.671.134	515.844.003
Cộng	766.101.334	1.135.274.203

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán	7.978.493.695	7.978.493.695
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm	-	-
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	244.624.860	244.624.860
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	7.733.868.835	7.733.868.835
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên	-	-
Dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	-	-
Cộng	7.978.493.695	7.978.493.695

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng phải thu dài hạn khó đòi như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	7.978.493.695	8.747.029.645
Trích lập bổ sung	-	-
Hoàn nhập dự phòng	-	(768.535.950)
Số cuối kỳ	7.978.493.695	7.978.493.695

6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	26.827.151.619	5.867.368.774
Công cụ, dụng cụ	4.265.407.472	6.119.491.302
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	178.915.274.802	171.925.673.873
Thành phẩm	84.439.211.969	160.738.729.432
Hàng gửi đi bán	3.617.045.019	1.000.550.064
Cộng	298.064.090.881	345.651.813.445

Toàn bộ thành phẩm tồn kho có tổng giá trị ghi sổ là 84.439.211.969 VND đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng (xem thuyết minh số V.16).

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ dụng cụ	1.317.129.093	1.056.607.540
Chi phí sửa chữa	287.973.159	-
Cộng	1.605.102.252	1.056.607.540

8. Tài sản ngắn hạn khác

Các khoản tạm ứng cho nhân viên.

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	72.302.344.427	102.165.251.344	2.649.981.426	1.747.188.728	178.864.765.925
Tăng trong kỳ	32.006.824.221	27.323.283.196	366.122.728	617.736.364	60.313.966.509
Mua sắm mới	-	1.051.000.000	16.200.000	82.418.182	1.149.618.182
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	32.006.824.221	26.272.283.196	349.922.728	535.318.182	59.164.348.327
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	104.309.168.648	129.488.534.540	3.016.104.154	2.364.925.092	239.178.732.434
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	2.221.471.292	-	648.328.169	2.869.799.461
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	14.808.719.355	41.218.657.288	1.475.567.083	1.049.504.050	58.552.447.776
Khấu hao trong kỳ	3.345.382.479	5.306.065.046	150.769.219	127.882.168	8.930.098.912
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	18.154.101.834	46.524.722.334	1.626.336.302	1.177.386.218	67.482.546.688

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	57.493.625.072	60.946.594.056	1.174.414.343	697.684.678	120.312.318.149
Số cuối kỳ	<u>86.155.066.814</u>	<u>82.963.812.206</u>	<u>1.389.767.852</u>	<u>1.187.538.874</u>	<u>171.696.185.746</u>

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 141.570.499.057 VND và 87.143.598.040 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng.

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	58.461.610.862	-	58.461.610.862
Tăng trong kỳ do mua sắm	-	208.600.000	208.600.000
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	<u>58.461.610.862</u>	<u>208.600.000</u>	<u>58.670.210.862</u>
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	5.021.639.928	-	5.021.639.928
Khấu hao trong kỳ	985.407.540	3.476.667	988.884.207
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	<u>6.007.047.468</u>	<u>3.476.667</u>	<u>6.010.524.135</u>
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	53.439.970.934	-	53.439.970.934
Số cuối kỳ	<u>52.454.563.394</u>	<u>205.123.333</u>	<u>52.659.686.727</u>
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Quyền sử dụng đất có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 7.689.285.895 VND và 7.689.285.895 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
Mua sắm TSCĐ	-	-	-	-	-
XDCB dở dang	48.835.395.403	25.403.774.422	(58.554.042.231)	(338.797.662)	15.346.329.932
- Phân xưởng 2	9.464.330.141	13.784.330.762	(22.918.881.865)	(329.779.038)	-
- Nhà máy chế biến thức ăn	31.872.120.799	10.379.933.231	(33.332.210.560)	-	8.919.843.470

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển giảm khác</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
- Chi phí di dời 28 hộ dân dọc Sông Hậu	4.350.430.623	-	-	-	4.350.430.623
- Các hạng mục khác	3.148.513.840	1.239.510.429	(2.302.949.806)	(9.018.624)	2.076.055.839
Sửa chữa lớn TSCĐ	560.074.658	592.573.281	(610.306.096)	(484.889.606)	57.452.237
Cộng	49.395.470.061	25.996.347.703	(59.164.348.327)	(823.687.268)	15.403.782.169

12. Đầu tư dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Công ty Cổ phần Tô Châu	300.000	3.600.000.000	300.000	3.600.000.000
Cộng		3.600.000.000		3.600.000.000

Khoản đầu tư cổ phiếu tại Công ty Cổ phần Tô Châu theo hợp đồng mua cổ phiếu số 1/2008/CLAG ngày 02/02/2008 với số lượng 1.000.000 cổ phiếu tương đương 10% vốn điều lệ, mệnh giá: 10.000đ/cổ phiếu. Theo Công văn số 83/CLAG/08 ngày 27 tháng 05 năm 2008 về việc ngưng góp vốn thêm thì Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy Sản Cửu Long An Giang chỉ mua 300.000 cổ phiếu, với giá mua 12.000 đ/cổ phiếu.

13. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Chi phí sửa chữa	-	329.779.038	(68.703.965)	261.075.073
Công cụ dụng cụ	284.997.320	240.660.000	(187.465.044)	338.192.276
Phí thuê Luật sư vụ kiện chống bán phá giá vào Mỹ (*)	940.803.160	-	(806.402.712)	134.400.448
Cộng	1.225.800.480	570.439.038	(1.062.571.721)	733.667.797

(*) Theo kết quả từ phía Công ty Mayer Brown LLP, thì Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Cửu Long An Giang đã thắng trong vụ kiện chống bán phá giá cá tra vào thị trường Mỹ và chính thức được xuất khẩu vào thị trường Mỹ với thuế suất 0%. Thời gian sử dụng ưu đãi thuế suất được duy trì đến năm 2013. Công ty đã phân bổ khoản chi phí thuê Luật sư là hai năm.

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Phát sinh trong kỳ</u>	<u>Hoàn nhập trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	896.520.620	905.136.202	-	1.801.656.822
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng	-	1.062.207.860	-	1.062.207.860
Cộng	896.520.620	1.967.344.062	-	2.863.864.682

15. Tài sản dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ký quỹ, ký cược dài hạn	2.344.875.000	2.310.354.000
Cộng	2.344.875.000	2.310.354.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

16. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	441.127.729.747	413.909.094.609
- Công ty TNHH một thành viên Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh An Giang ⁽¹⁾	140.928.718.964	70.000.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh An Giang ⁽²⁾	101.993.474.783	190.602.057.609
- Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) ⁽³⁾	92.540.525.000	108.524.196.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu - Chi nhánh Đồng Tháp ⁽⁴⁾	21.693.473.750	-
- Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ Việt Nam ⁽⁵⁾	21.170.250.000	77.875.581.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang ⁽⁶⁾	42.386.087.250	36.837.260.000
- Ngân hàng Natixis – Chi nhánh TP Hồ Chí Minh ⁽⁷⁾	20.415.200.000	-
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.24)	2.436.229.077	8.902.309.223
Cộng	443.563.958.824	422.811.403.832

- (1) Khoản vay Công ty TNHH một thành viên Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh An Giang với lãi suất theo từng thời điểm nhận nợ, để bổ sung chi phí nuôi trồng, sản xuất và kinh doanh chế biến thủy sản. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp nhà cửa vật kiến trúc.
- (2) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh An Giang với lãi suất thỏa thuận theo từng Hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể, để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp máy móc thiết bị, quyền sử dụng đất và hàng tồn kho.
- (3) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) với lãi suất theo từng lần nhận nợ, để đáp ứng nhu cầu vốn lưu động, nhu cầu phát hành bảo lãnh và chi tiêu Công ty. Khoản vay này được đảm bảo bằng nợ phải thu và máy móc thiết bị.
- (4) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu – Chi nhánh Đồng Tháp với lãi suất tại thời điểm nhận nợ, để bổ sung vốn lưu động kinh doanh, chế biến thủy sản xuất khẩu. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp nợ phải thu và hàng tồn kho.
- (5) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ Việt Nam với lãi suất theo từng lần nhận nợ, để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp nợ phải thu, hàng tồn kho và quyền sử dụng đất.
- (6) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang với lãi suất theo từng lần nhận nợ, để bổ sung vốn chế biến thủy sản xuất khẩu và nuôi cá tra. Khoản vay này được đảm bảo bằng tín chấp.
- (7) Khoản vay Ngân hàng Natixis - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh với lãi suất theo từng lần nhận nợ, để đáp ứng nhu cầu vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp nợ phải thu và hàng tồn kho.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)*Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn như sau:*

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Chênh lệch tỷ giá cuối kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	413.909.094.609	674.649.464.237	2.752.943.955	(650.183.773.054)	441.127.729.747
Vay dài hạn đến hạn trả	8.902.309.223	-	-	(6.466.080.146)	2.436.229.077
Cộng	422.811.403.832	674.649.464.237	2.752.943.955	(656.649.853.200)	443.563.958.824

17. Phải trả cho người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các nhà cung cấp cá nguyên liệu	12.953.023.725	40.378.204.500
Công ty TNHH sản xuất bao bì thương mại Nguyễn Phước	2.421.888.480	1.410.248.400
Công ty TNHH hóa chất Thành Phương	738.705.000	420.750.000
Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Cửu Long	-	34.073.747.925
Công ty công nghiệp Tân Á	1.623.929.588	875.738.600
Công ty cổ phần bao bì Thủy Sản	178.374.240	394.306.665
Công ty TNHH Wilmar Agro Việt Nam	1.822.493.400	-
Công ty cổ phần nguyên liệu Mê Kông	3.035.401.500	-
Công ty TNHH MTV chế biến lương thực Vạn Lợi	3.496.101.000	-
Công ty TNHH sản xuất thương mại Thiên Quỳnh	6.272.028.000	-
Công ty TNHH xuất nhập khẩu thủy sản đông á	1.543.111.500	-
Các nhà cung cấp khác	5.414.588.001	7.909.955.098
Cộng	39.499.644.434	85.462.951.188

18. Người mua trả tiền trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Moussallem Bros Sarl	-	378.028.200
RJ Pescados Comercio importacao E Exportacao LTDA	119.761.000	127.571.500
Công ty TNHH sản xuất thương mại Nguyệt Trang	159.731.282	720.033.382
Deep Sea Harvest LTD	222.026.480	-
West-Norway As	733.145.600	-
Tropic Trade	16.579.088	16.579.088
Taitung Australia Pty Ltd	103.556.816	103.556.816
Tianjin Foodstuffs & EXP. Co., Ltd	-	251.060.712
Các khách hàng khác	103.858.822	87.196.422
Cộng	1.458.659.088	1.684.026.120

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	-	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	1.005.700.194	(1.005.700.194)	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	189.014.100	(189.014.100)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.514.587.220	-	-	1.514.587.220
Thuế thu nhập cá nhân	127.972.370	146.466.803	(248.601.222)	25.837.951
Thuế tài nguyên	-	17.324.880	(17.324.880)	-
Các loại thuế khác	-	382.627.823	(382.627.823)	-
Cộng	1.642.559.590	1.741.133.800	(1.843.268.219)	1.540.425.171

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho các nhóm mặt hàng như sau:

Hàng hóa xuất khẩu	0%
Hàng hóa tiêu thụ nội địa	5%
Dịch vụ	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20%. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập khác là 25%.

Năm 2009 Công ty đã đưa vào hoạt động nhà máy chế biến thủy sản mới do đầu tư mở rộng được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm và giảm 50% trong 05 năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm. Năm 2013 là năm thứ 03 dự án đầu tư mở rộng được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(6.712.267.054)	17.227.492.507
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	10.238.516.741	8.937.442.181
- Các khoản điều chỉnh giảm	(11.642.358.048)	(6.839.058.978)
Thu nhập chịu thuế	(8.116.108.361)	19.325.875.710
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Lỗi các năm trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	(8.116.108.361)	19.325.875.710
Trong đó:		
- Thu nhập tính thuế của hoạt động được hưởng ưu đãi (thuế suất 20%)	(8.153.757.610)	15.099.764.438

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
- Thu nhập tính thuế của hoạt động không được hưởng ưu đãi (thuế suất 25%)	37.649.249	4.226.111.272
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	-	3.970.137.415
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	-	(962.988.184)
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm 30%	-	(902.144.769)
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp của năm trước	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	-	2.105.004.462

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nguồn nước tự nhiên với mức 4.000 VND/m³.

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất với mức 10.500 VND/m²/năm trên diện tích đất thuê là 28.271 m² tại Khu tiểu thủ công nghiệp Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên Tỉnh An Giang.

Công ty được miễn nộp tiền thuê đất trong thời hạn 06 năm kể từ khi ký hợp đồng thuê đất theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 93/CN.UB ngày 26 tháng 12 năm 2003 của Ủy ban Nhân dân tỉnh An Giang. Công ty đã ký Hợp đồng thuê đất với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang ngày 26 tháng 5 năm 2005.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

20. Phải trả người lao động.

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả người lao động	4.315.470.483	3.758.591.372
Cộng	4.315.470.483	3.758.591.372

Lương tháng 6 năm 2013 còn phải trả cho nhân viên.

21. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí tiền điện thoại	-	17.807.875
Chi phí tiền điện	524.074.894	-
Chi phí hoa hồng	-	72.969.440
Chi phí lãi vay ngắn hạn	580.441.903	679.642.426
Chi phí lưu kho	-	1.017.020.161
Chi phí cước tàu và phí chứng từ	6.251.200.792	6.541.864.251
Chi phí vi sinh	305.965.000	145.425.091
Chi phí vận chuyển	967.581.876	312.867.950
Chi phí khác	379.019.647	45.783.610
Cộng	9.008.284.112	8.833.380.804

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**22. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	978.320.402	755.252.522
Bảo hiểm xã hội	384.501.600	903.420.912
Bảo hiểm y tế	-	85.380.966
Bảo hiểm thất nghiệp	-	37.446.560
Phải trả khác	103.703.173	140.626.232
Cộng	1.466.525.175	1.922.127.192

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	5.090.521.039	-	(3.441.452.000)	1.649.069.039
Quỹ phúc lợi	1.971.254.808	-	(320.823.664)	1.650.431.144
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	6.533.574.452	-	-	6.533.574.452
Cộng	13.595.350.299	-	(3.762.275.664)	9.833.074.635

24. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh An Giang	31.139.674.368	16.756.061.845
Cộng	31.139.674.368	16.756.061.845

Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh An Giang với lãi suất 14%/năm, để bổ sung vốn trung dài hạn xây dựng nhà máy chế biến thức ăn thủy sản. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 01 năm trở xuống	2.436.229.077	8.902.309.223
Trên 01 năm đến 05 năm	31.139.674.368	16.756.061.845
Trên 05 năm	-	-
Tổng nợ	33.575.903.445	25.658.371.068

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	16.756.061.845	6.466.080.146
Số tiền vay phát sinh	14.383.612.523	-
Số tiền vay đã trả	-	-
Số cuối kỳ	31.139.674.368	6.466.080.146

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**25. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	61.943.020	434.098.515
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	623.738.469	-
Khoản hoàn nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước	-	(404.952.711)
Số cuối kỳ	<u>685.681.489</u>	<u>29.145.804</u>

26. Vốn chủ sở hữu***Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu***

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả như sau:

Chi trả cổ tức năm trước (05% mệnh giá)	<u>8.279.853.750</u>
Cộng	<u>8.279.853.750</u>

Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18.399.675	18.399.675
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	18.399.675	18.399.675
- Cổ phiếu phổ thông	18.399.675	18.399.675
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.399.675	18.399.675
- Cổ phiếu phổ thông	18.399.675	18.399.675
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	493.830.852.454	535.801.261.743
- Doanh thu bán thành phẩm	426.663.798.551	466.595.894.823
- Doanh thu bán phụ phẩm	67.129.563.503	69.074.150.520
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	37.490.400	131.216.400
Khoản giảm trừ doanh thu:	(1.749.762.571)	(910.048.096)
- Hàng bán trả lại	(1.260.094.000)	-
- Giảm giá hàng bán	(489.668.571)	(910.048.096)
Doanh thu thuần	492.081.089.883	534.891.213.647
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	424.914.035.980	465.685.846.727
- Doanh thu thuần bán phụ phẩm	67.129.563.503	69.074.150.520
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	37.490.400	131.216.400

2. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng bán	418.830.691.447	464.463.156.613
Cộng	418.830.691.447	464.463.156.613

Giá vốn hàng bán trong kỳ là thành phẩm cung cấp, chi tiết như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	290.778.715.186	425.604.623.564
Chi phí nhân công trực tiếp	27.393.499.304	26.916.116.813
Chi phí sản xuất chung	33.965.055.378	28.253.944.555
Tổng chi phí sản xuất	352.137.269.868	480.774.684.932
Chênh lệch chi phí sản xuất dở dang	(6.989.600.929)	(6.733.311.946)
Tổng giá thành sản xuất	345.147.668.939	474.041.372.986
Chênh lệch thành phẩm tồn kho	76.299.517.463	(11.615.569.959)
Giá vốn thành phẩm mua ngoài	-	-
Chênh lệch hàng gửi đi bán	(2.616.494.955)	2.037.353.586
Giá vốn thành phẩm đã cung cấp	418.830.691.447	464.463.156.613

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	38.125.356	114.051.823
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	-	183.758.536
Lãi cho vay	82.626.071	1.294.876.578
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	393.103.763	3.966.341.944
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	50.355.952	291.458.040
Cộng	564.211.142	5.850.486.921

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**4. Chi phí tài chính**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	14.541.946.142	16.869.728.280
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	578.501.951	35.395.974
Cộng	15.120.448.093	16.905.124.254

5. Chi phí bán hàng

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bao bì	17.081.774.550	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	35.469.428.629	29.431.473.436
Cộng	52.551.203.179	29.431.473.436

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	6.820.117.889	6.709.858.642
Chi phí vật liệu quản lý	5.070.000	5.369.182
Chi phí công cụ văn phòng	311.387.294	233.724.475
Chi phí khấu hao tài sản cố định	456.956.606	433.661.254
Thuế, phí và lệ phí	163.849.380	26.372.400
Chi phí dự phòng (*)	-	(768.535.950)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.140.513.851	4.924.478.251
Chi phí khác	834.542.640	757.084.943
Cộng	12.732.437.660	12.322.013.197

(*) Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi.

7. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Nhập kho hàng khuyến mãi	158.849	3.707.262
Cộng	158.849	3.707.262

8. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi hỗ trợ	50.021.570	-
Chi mua quà biếu	13.495.000	128.300.000
Chi nộp phạt	25.521.570	-
Chi phí khác	33.908.409	267.847.823
Cộng	122.946.549	396.147.823

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	623.738.469	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	-
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(1.967.344.062)	(60.279.450)
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	(404.952.711)
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(1.343.605.593)	(465.232.161)

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(5.368.661.461)	15.587.720.206
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(5.368.661.461)	15.587.720.206
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (*)	18.399.675	18.399.675
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(292)	847

(*) Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	18.399.675	18.399.675
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	18.399.675	18.399.675

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	311.226.689.545	428.916.354.725
Chi phí nhân công	39.803.312.372	38.862.332.821
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.918.983.119	8.108.086.586
Chi phí dịch vụ mua ngoài	69.486.280.178	63.023.032.830
Chi phí khác	1.650.538.184	884.240.706
Cộng	432.085.803.398	539.794.047.668

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Nợ tiềm tàng

Hiện tại, Bộ Thương mại Mỹ chưa có phán quyết của đợt rà soát hành chính thuế chống bán phá giá lần 09 (POR 9 từ ngày 01/8/2011 đến ngày 31/7/2012) đối với các doanh nghiệp cá tra, cá basa Việt Nam. Do đó, Công ty chưa xem xét nghĩa vụ thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến sản phẩm xuất bán vào thị trường Mỹ trong giai đoạn trên khi lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 30 tháng 6 năm 2013 cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

3. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong kỳ như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	670.432.000	733.104.600
Phụ cấp	319.000.000	248.400.000
Cộng	989.432.000	981.504.600

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH xuất nhập khẩu thủy sản Đông Á	Công ty có quan hệ gia đình
Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Cửu Long	Công ty có quan hệ gia đình

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<i>Công ty TNHH xuất nhập khẩu thủy sản Đông Á</i>		
Gia công thành phẩm	3.413.277.000	-
<i>Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Cửu Long</i>		
Mua thức ăn	6.338.534.622	96.947.046.256
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, công nợ với các bên liên quan khác như sau:		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Công ty TNHH xuất nhập khẩu thủy sản Đông Á</i>		
Phải trả tiền gia công	1.543.111.500	-
<i>Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Cửu Long</i>		
Phải trả tiền mua thức ăn	-	34.073.747.925
Cộng nợ phải trả	1.543.111.500	34.073.747.925

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**4. Báo cáo bộ phận**

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh sau:

- Hoạt động sản xuất, chế biến thủy sản.
- Hoạt động khác-bao gồm: thương mại, dịch vụ.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty trong kỳ như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này		
	Lĩnh vực sản xuất	Lĩnh vực khác	Cộng
Năm nay			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	492.043.599.483	37.490.400	492.081.089.883
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	492.043.599.483	37.490.400	492.081.089.883
Chi phí bộ phận	(418.830.691.447)	-	(418.830.691.447)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	73.212.908.036	37.490.400	73.250.398.436
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(65.283.640.839)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			7.966.757.597
Doanh thu hoạt động tài chính			564.211.142
Chi phí tài chính			(15.120.448.093)
Thu nhập khác			158.849
Chi phí khác			(122.946.549)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			1.343.605.593
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			(5.368.661.461)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	27.925.004.923	-	27.925.004.923
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	10.981.554.840	-	10.981.554.840
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-
Năm trước			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	534.759.997.247	131.216.400	534.891.213.647
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	534.759.997.247	131.216.400	534.891.213.647

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này		
	Lĩnh vực sản xuất	Lĩnh vực khác	Cộng
Chi phí bộ phận	(464.463.156.613)	-	(464.463.156.613)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	70.296.840.634	131.216.400	70.428.057.034
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(41.753.486.633)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			28.674.570.401
Doanh thu hoạt động tài chính			5.850.486.921
Chi phí tài chính			(16.905.124.254)
Thu nhập khác			3.707.262
Chi phí khác			(396.147.823)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(2.105.004.462)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			465.232.161
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			15.587.720.206
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	3.875.551.688	-	3.875.551.688
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	9.337.048.851	-	9.337.048.851
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố ở trong nước và nước ngoài.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Trong nước	67.167.053.903	28.218.353.745
Nước ngoài	424.914.035.980	506.672.859.902
Cộng	492.081.089.883	534.891.213.647

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực sản xuất	Lĩnh vực khác	Cộng
Số cuối kỳ			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	800.487.298.623	-	800.487.298.623
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	3.600.000.000
Tổng tài sản			804.087.298.623
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	542.511.397.779	-	542.511.397.779
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-
Tổng nợ phải trả			542.511.397.779

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Lĩnh vực sản xuất	Lĩnh vực khác	Cộng
Số đầu năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	828.152.811.317	-	828.152.811.317
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	3.600.000.000
Tổng tài sản			831.752.811.317
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	556.528.395.262	-	556.528.395.262
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-
Tổng nợ phải trả			556.528.395.262

5. Thuê hoạt động

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang sẽ được thanh toán như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	296.845.500	296.845.500
Trên 01 năm đến 05 năm	1.187.382.000	1.187.382.000
Trên 05 năm	11.883.370.625	11.883.370.625
Cộng	13.367.598.125	13.367.598.125

Công ty thuê đất dưới hình thức thuê hoạt động. Các hợp đồng thuê có hiệu lực trong 50 năm và có khả năng được gia hạn thêm. Chi phí thuê được điều chỉnh tăng lên hàng năm theo giá đất do Ủy ban Nhân dân tỉnh công bố.

3. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Tổng Giám đốc đã ban hành qui chế bán hàng với các qui định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Tổng Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ qui chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực và các khu vực địa lý khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối kỳ					
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.990.976.060	-	-	-	4.990.976.060
Phải thu khách hàng	189.254.844.925	-	-	12.937.931.045	202.192.775.970
Các khoản phải thu khác	3.110.976.334	-	-	-	3.110.976.334
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	3.600.000.000	-	-	-	3.600.000.000
Cộng	200.956.797.319	-	-	12.937.931.045	213.894.728.364
Số đầu năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.990.690.435	-	-	-	9.990.690.435
Phải thu khách hàng	198.177.468.552	-	-	12.937.931.045	211.115.399.597
Các khoản phải thu khác	3.445.628.203	-	-	-	3.445.628.203
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	3.600.000.000	-	-	-	3.600.000.000
Cộng	215.213.787.190	-	-	12.937.931.045	228.151.718.235

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Phải trả người bán	39.499.644.434	-	-	39.499.644.434
Vay và nợ	451.917.280.590	39.440.500.414	-	491.357.781.004
Các khoản phải trả khác	9.111.987.285	-	-	9.111.987.285
Cộng	500.528.912.309	39.440.500.414	-	539.969.412.723

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Từ 01 năm trở xuống</u>	<u>Trên 01 năm đến 05 năm</u>	<u>Trên 05 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm				
Phải trả người bán	85.462.951.188	-	-	85.462.951.188
Vay và nợ	422.811.403.832	16.756.061.845	-	439.567.465.677
Các khoản phải trả khác	8.974.007.036	-	-	8.974.007.036
Cộng	517.248.362.056	16.756.061.845	-	534.004.423.901

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là cao. Công ty cố gắng tạo ra khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro về giá nguyên liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 và ngày 01 tháng 01 năm 2013 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất và giá nguyên liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, lựa chọn thời điểm bán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá cao, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>USD</u>	<u>EUR</u>	<u>USD</u>	<u>EUR</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	95.186,69	15.326,01	345.433,17	322,58
Phải thu khách hàng	9.089.642,55	-	9.812.836,51	-
Các khoản phải thu khác	111.000,00	-	111.000,00	-
Vay và nợ	(16.348.352,00)	-	(17.377.200,00)	-
Phải trả người bán	(18.255,10)	-	(47.805,10)	-
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	(7.070.777,86)	15.326,01	(7.155.735,42)	322,58

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và USD tăng/giảm 02% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu kỳ này của Công ty sẽ giảm/tăng 2.389.922.917 VND (cùng kỳ năm trước giảm/tăng 2.384.634.517 VND) do ảnh hưởng của lỗ/lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các công cụ tài chính.

Rủi ro do biến động của tỷ giá hối đoái giữa VND và EUR đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do tài sản thuần có giá trị nhỏ.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Công ty đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do các khoản vay có lãi suất cố định.

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách hạn chế các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu giá các chứng khoán Công ty đang đầu tư tăng/giảm 10% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty tăng/giảm khoảng 270.000.000 VND (năm trước tăng/giảm khoảng 270.000.000 VND).

Rủi ro về giá nguyên liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá nguyên liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Bên cạnh đó, Công ty đẩy mạnh phát triển vùng nuôi cá để chủ động nguồn nguyên liệu và quản lý rủi ro về giá nguyên liệu.

Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty thế chấp toàn bộ nợ phải thu khách hàng để đảm bảo cho khoản vay của các ngân hàng (xem thuyết minh V.16). Giá trị ghi sổ của tài sản đảm bảo tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 202.192.775.970 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2013 là 211.115.399.597 VND).

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nhận tài sản tài chính đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.990.976.060	-	9.990.690.435	-	4.990.976.060	9.990.690.435
Phải thu khách hàng	202.192.775.970	(7.978.493.695)	211.115.399.597	(7.978.493.695)	194.214.282.275	203.136.905.902
Các khoản phải thu khác	3.110.976.334	-	3.445.628.203	-	3.110.976.334	3.445.628.203
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	3.600.000.000	-	3.600.000.000	-	3.600.000.000	3.600.000.000
Cộng	<u>213.894.728.364</u>	<u>(7.978.493.695)</u>	<u>228.151.718.235</u>	<u>(7.978.493.695)</u>	<u>205.916.234.669</u>	<u>220.173.224.540</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

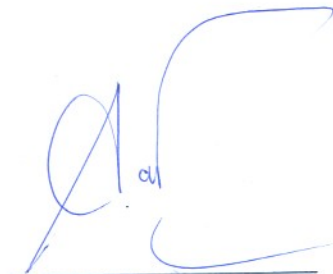
Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả người bán	39.499.644.434	85.462.951.188	39.499.644.434	85.462.951.188
Vay và nợ	474.703.633.192	439.567.465.677	474.703.633.192	439.567.465.677
Các khoản phải trả khác	9.111.987.285	8.974.007.036	9.111.987.285	8.974.007.036
Cộng	523.315.264.911	534.004.423.901	523.315.264.911	534.004.423.901

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

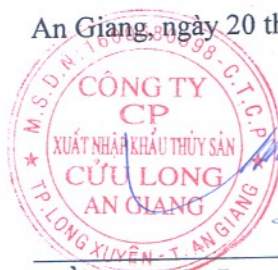
Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Đối với các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán thì giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố.



Nguyễn Thị Bích Vân
Kế toán trưởng

An Giang, ngày 20 tháng 07 năm 2013



Trần Thị Văn Loan
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	183.996.750.000	19.920.224.200	2.275.469.500	16.696.873.507	75.205.604.202	298.094.921.409
Lợi nhuận tăng năm trước	-	-	-	-	15.114.034.870	15.114.034.870
Chia cổ tức trong năm trước	-	-	-	-	(36.799.350.000)	(36.799.350.000)
Trích các quỹ trong năm trước	-	-	296.297.556	740.743.890	(2.222.231.670)	(1.185.190.224)
Số dư cuối năm trước	183.996.750.000	19.920.224.200	2.571.767.056	17.437.617.397	51.298.057.402	275.224.416.055
Số dư đầu năm nay	183.996.750.000	19.920.224.200	2.571.767.056	17.437.617.397	51.298.057.402	275.224.416.055
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	(5.368.661.461)	(5.368.661.461)
Chia cổ tức trong kỳ	-	-	-	-	(8.279.853.750)	(8.279.853.750)
Trích các quỹ trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ này	183.996.750.000	19.920.224.200	2.571.767.056	17.437.617.397	37.649.542.191	261.575.900.844

An Giang, ngày 20 tháng 7 năm 2013



Trần Thị Vân Loan
Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Bích Vân
Kế toán trưởng